

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	6-25
Bảng Cân đối Kế toán	6
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	10
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	11
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	13-25

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng Cấp nước Điện Biên (sau đây gọi là Công ty) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo Tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Công ty

Công ty TNHH Xây dựng Cấp nước Điện Biên tiền thân là Công ty Xây dựng cấp nước Điện Biên (DNNN hoạt động công ích), được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 02 tháng 04 năm 2009 của UBND tỉnh Điện Biên do UBND tỉnh Điện Biên làm chủ sở hữu;

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5600100728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2009, bổ sung thay đổi lần thứ nhất ngày 07 tháng 11 năm 2014.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu dân sinh và các ngành kinh tế khác;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi vừa và nhỏ;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 0,4 đến 35 Kw;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành nước./.

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2014: 56.084.094.827 VND

Trụ sở Công ty: Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo Tài chính

Không có các sự kiện trọng yếu nào diễn ra sau ngày khóa sổ lập Báo cáo Tài chính đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo Tài chính.

Ban lãnh đạo Công ty

Các thành viên Ban lãnh đạo Công ty trong kỳ kế toán và tại thời điểm lập Báo cáo Tài chính gồm:

Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
Ban giám đốc		
Ông Lê Xuân Đông	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2014
Ông Nguyễn Lệ Quế	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2014
Ông Phạm Quang Tuấn	Phó Giám đốc	
Ông Lê Đình Nghĩa	Kiểm soát viên	
Ông Đinh Quốc Lộc	Kế toán trưởng	

Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán KSI Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo Tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo Tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo Tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo Tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo Tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo Tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo Tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo Tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Điện Biên, ngày 05 tháng 02 năm 2015

Giám đốc



(Handwritten signature)
Nguyễn Lệ Quế

Số: 110/2015/BCKT/TC-KSIHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Xây dựng Cấp nước Điện Biên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo Tài chính kèm theo của Công ty TNHH Xây dựng Cấp nước Điện Biên được lập ngày 05 tháng 02 năm 2015 từ trang 6 đến trang 25 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo Tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- i) Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu đối với các đối tượng công nợ đã quá hạn thanh toán là 810.138.082 VND, việc không trích lập này ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của đơn vị một giá trị tương ứng.
- ii) Như đã nêu tại thuyết minh V.16, Công ty đang ghi nhận doanh thu là 1.527.412.283 VND, giá vốn là 1.461.733.555 VND của công trình D400Km 75 -QL279 và tiền truy thu thuế Thu nhập doanh nghiệp là 71.858.386 VND (theo Biên bản Kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2013 của Sở tài chính tỉnh Điện Biên) vào lợi nhuận chưa phân phối trong năm 2014 mà không thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính năm 2013 theo chuẩn mực kế toán số 29 "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót".
- iii) Như đã nêu tại thuyết minh V.7, trong năm đơn vị đã thay đổi thời gian sử dụng của một số tài sản cố định theo "Biên bản xác định giá tiêu thụ nước sạch năm 2014" ngày 09 tháng 01 năm 2014. Biên bản xác định giá nước này đã được Sở tài chính, Sở xây dựng tỉnh Điện Biên cùng phê duyệt thống nhất cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị. Việc thay đổi này làm chi phí khấu hao trong năm của đơn vị giảm đi ước tính 30% so với giá trị ban đầu.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Xây dựng Cấp nước Điện Biên tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Công ty đang trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, giá trị tài sản đang được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại cao hơn giá gốc ban đầu là 23.564.906.005 VND



Đỗ Khắc Tiến

Giám Đốc

Giấy Đăng ký hành nghề 1150-2014-046-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán KSI Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Bùi Đình Đạt

Kiểm toán viên

Giấy Đăng ký hành nghề số: 2471-2014-046-1

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

Báo cáo Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A Tài sản ngắn hạn	100		25.532.536.114	23.995.860.216
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.633.332.148	8.259.181.812
1 Tiền	111		5.633.332.148	8.259.181.812
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1 Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.084.431.245	5.937.303.606
1 Phải thu của khách hàng	131	V.2	6.876.860.116	3.454.539.067
2 Trả trước cho người bán	132	V.3	8.904.580.000	200.000.000
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.4	302.991.129	2.282.764.539
6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV Hàng tồn kho	140		3.584.817.832	8.955.646.794
1 Hàng tồn kho	141	V.5	3.584.817.832	8.955.646.794
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		229.954.889	843.728.004
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		105.418.401	166.288.716
3 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	100.000
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	124.536.488	677.339.288
B Tài sản dài hạn	200		278.361.012.611	281.663.643.082
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
2 Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
3 Phải thu dài hạn khác	218		-	-
4 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

Báo cáo Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II Tài sản cố định	220		277.621.060.754	281.121.362.350
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	275.243.002.360	264.074.277.987
- Nguyên giá	222		335.516.364.864	316.879.987.806
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(60.273.362.504)	(52.805.709.819)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	16.780.050.000
- Nguyên giá	228		-	16.780.050.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	2.378.058.394	267.034.363
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3 Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		739.951.857	542.280.732
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	739.951.857	542.280.732
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3 Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		303.893.548.725	305.659.503.298

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

Báo cáo Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	Nợ phải trả	300		7.352.635.868	5.020.962.980
I	Nợ ngắn hạn	310		7.352.635.868	5.020.962.980
1	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2	Phải trả cho người bán	312	V.11	1.351.740.820	457.425.000
3	Người mua trả tiền trước	313	V.12	-	895.155.203
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	272.524.062	253.650.729
5	Phải trả người lao động	315		4.027.691.479	1.410.183.355
6	Chi phí phải trả	316		-	-
7	Phải trả nội bộ	317		-	-
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	690.109.338	1.546.558.754
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.15	1.010.570.169	457.989.939
12	Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	327		-	-
II	Nợ dài hạn	330		-	-
1	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9	Quỹ phát triển khoa học và Công nghệ	339		-	-
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		296.540.912.857	300.638.540.318
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	296.540.912.857	300.638.540.318
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		296.540.912.857	259.644.256.287
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3	Vốn khác của CSH	413		-	-
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	40.432.868.153
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	164.672.477
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	35.073.909
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	361.669.492
11	Nguồn vốn ĐTXDCB	421		-	-
12	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1	Nguồn kinh phí	432		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		303.893.548.725	305.659.503.298

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

Báo cáo Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (*)		4.847.914.703	5.028.176.761
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- EUR		-	-
- USD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

(*) Đối với số vật tư nhận giữ hộ Nhà nước này Công ty đang tiến hành làm thủ tục bàn giao lại cho Công ty mua bán nợ Việt Nam.

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Điện Biên, ngày 05 tháng 02 năm 2015

Kế toán trưởng

Đinh Quốc Lộc

Giám đốc



Nguyễn Lệ Quế

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

Báo cáo Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	34.189.821.539	23.080.233.769
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		34.189.821.539	23.080.233.769
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	26.222.558.117	18.964.246.145
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.967.263.422	4.115.987.624
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	33.789.320	51.957.022
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>			-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.249.759.116	4.031.344.301
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		751.293.626	136.600.345
11. Thu nhập khác	31		50.305.854	332.553.825
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40	VI.4	50.305.854	332.553.825
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		801.599.480	469.154.170
15. Chi phí thuế TN hiện hành	51	VI.5	176.351.886	117.288.543
16. Chi phí thuế TN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		625.247.594	351.865.627
18. Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	70		-	-

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Kế toán trưởng

Đinh Quốc Lộc

Điện Biên, ngày 05 tháng 02 năm 2015

Giám đốc



Nguyễn Lệ Quế

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		32.934.213.368	24.876.774.124
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(19.261.444.539)	(9.236.981.406)
3. Tiền chi trả cho người lao động		(9.779.747.006)	(7.267.398.599)
4. Tiền chi trả lãi vay		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(175.176.035)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.829.541.072	463.817.435
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.528.193.453)	(3.780.731.172)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.019.193.407	5.055.480.382
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9.487.148.530)	(1.575.859.828)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		33.789.320	51.957.022
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.453.359.210)	(1.523.902.806)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		808.316.139	200.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		808.316.139	200.000.000

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.625.849.664)	3.731.577.576
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	8.259.181.812	4.527.604.236
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	5.633.332.148	8.259.181.812

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Điện Biên, ngày 05 tháng 02 năm 2015

Kế toán trưởng



Đinh Quốc Lộc

Giám đốc



Nguyễn Lệ Quế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH Xây dựng Cấp nước Điện Biên tiền thân là Công ty Xây dựng cấp nước Điện Biên (DNNN hoạt động công ích), được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 02 tháng 04 năm 2009 của UBND tỉnh Điện Biên do UBND tỉnh Điện Biên làm chủ sở hữu;

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5600100728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2009, bổ sung thay đổi lần thứ nhất ngày 07 tháng 11 năm 2014.

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2014: 56.084.094.827 VND

2 Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu dân sinh và các ngành kinh tế khác;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi vừa và nhỏ;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 0,4 đến 35 Kw;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành nước./.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn do Nhà nước ban hành. Các Báo cáo Tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định tại các chuẩn mực, thông tư hướng dẫn chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1 Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Giá trị nguyên vật liệu tồn kho xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước

2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể được bán trong kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí hoàn tất và chi phí bán các hàng hóa đó.

3 Ghi nhận nguyên giá và hao mòn tài sản cố định:**3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

3.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	: 06-30 năm
- Máy móc, thiết bị	: 05-10 năm
- Phương tiện vận tải	: 06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	: 03-07 năm
- Các tài sản khác	: 03-05 năm

4 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

5 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**7.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

7.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

7.3 Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định theo khối lượng thực hiện đã được xác nhận của chủ đầu tư.

7.4 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

8 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng theo phương pháp công nợ cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên Báo cáo Tài chính. Tuy nhiên, thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận/ lỗ kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất của niên độ phát sinh các chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị tính: VND

V.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.802.835.669	3.288.616.478
Tiền gửi ngân hàng	1.830.496.479	4.970.565.334
Tiền VND gửi ngân hàng	1.830.496.479	4.970.565.334
<i>Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Điện Biên</i>	1.473.826.722	4.043.269.320
<i>Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam</i>	57.129.724	456.712.826
<i>TMCP Công thương Việt Nam</i>	299.540.033	469.483.276
<i>Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	-	1.099.912
Tiền USD gửi ngân hàng	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	5.633.332.148	8.259.181.812

V.2 Các khoản phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền nước	2.395.796.764	1.850.803.583
Phải thu tiền lắp đặt	61.268.424	393.090.216
Phải thu tiền nước lọc	20.739.638	228.838.856
Phải thu tiền vỏ bình nước TK	-	7.859.992
Phải thu tiền vật tư bán lẻ	4.399.055.290	973.946.420
Cộng	6.876.860.116	3.454.539.067

V.3 Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Đầu tư CNMT và Hạ tầng Kỹ thuật Lạc Việt	200.000.000	200.000.000
Cty CPXD&ĐTPT kiến trúc đô thị	5.000.000.000	-
Công ty Hải Hà	50.000.000	-
Doanh nghiệp Hoàng Sơn	1.500.000.000	-
Doanh nghiệp Minh Quang	1.780.000.000	-
Công ty 10/10	300.000.000	-
Công ty thiết bị CN chuyên ngành nước	74.580.000	-
Cộng	8.904.580.000	200.000.000

V.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác	302.991.129	2.282.764.539
<i>Tiền lương trả quá cho người lao động năm 2012</i>	61.654.980	2.044.423.407
<i>Trung Tâm thông tin KTTNMT tỉnh Điện Biên vay</i>	-	40.000.000
<i>Cho CBCNV vay hỗ trợ khó khăn</i>	53.596.799	117.000.000
<i>Tiền BHXH, BHYT, BHTT của CBCNV</i>	40.316.446	55.928.912
<i>Khác</i>	10.000.000	25.412.220
<i>Phải thu tiền lập hồ sơ chính thức, phê duyệt CPHDN</i>	29.000.000	-
<i>Tiền lương ngoài giờ phục vụ cho chuyển đổi DN</i>	108.422.904	-
Cộng	302.991.129	2.282.764.539

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

V.5 Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.552.639.195	7.337.813.297
Công cụ, dụng cụ	32.178.637	79.167.532
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	-	1.538.665.965
Cộng	<u>3.584.817.832</u>	<u>8.955.646.794</u>

(*) Chi tiết dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công trình di chuyển tuyến ống D400 Km75+590-K75+920	-	1.461.733.555
Công trình chuyển tuyến 400 qua đường Bê tông	-	76.932.410
Cộng	<u>-</u>	<u>1.538.665.965</u>

V.6 Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	124.536.488	677.339.288
Cộng	<u>124.536.488</u>	<u>677.339.288</u>

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÁP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

V.7 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	213.664.015.844	6.415.418.641	96.617.523.321	183.030.000	-	316.879.987.806
Số tăng trong năm	5.585.743.637	-	17.698.897.971	13.280.000	-	23.297.921.608
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	5.585.743.637	-	2.991.045.244	-	-	8.576.788.881
- Tăng khác(*)	-	-	14.707.852.727	13.280.000	-	14.721.132.727
Số giảm trong năm	2.503.112.993	320.832.142	1.837.599.415	-	-	4.661.544.550
- Giảm khác	2.503.112.993	320.832.142	1.837.599.415	-	-	4.661.544.550
Số dư cuối năm	216.746.646.488	6.094.586.499	112.478.821.877	196.310.000	-	335.516.364.864
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	19.291.419.755	4.191.515.730	29.192.296.837	130.477.497	-	52.805.709.819
Số tăng trong năm	5.164.376.983	576.476.224	3.528.697.002	22.752.667	-	9.292.302.876
- Khấu hao trong năm	5.164.376.983	576.476.224	3.528.697.002	22.752.667	-	9.292.302.876
Số giảm trong năm	366.218.634	320.832.142	1.137.599.415	-	-	1.824.650.191
- Giảm khác	366.218.634	320.832.142	1.137.599.415	-	-	1.824.650.191
Số dư cuối năm	24.089.578.104	4.447.159.812	31.583.394.424	153.230.164	-	60.273.362.504
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	194.372.596.089	2.223.902.911	67.425.226.484	52.552.503	-	264.074.277.987
Tại ngày cuối năm	192.657.068.384	1.647.426.687	80.895.427.453	43.079.836	-	275.243.002.360

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

- Các thay đổi khác về nguyên giá và hao mòn lũy kế của tài sản cố định;

Tài sản cố định khác tăng trong kỳ là các đường cáp nước do Ủy ban Nhân dân tỉnh Điện Biên phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và giao cho Công ty TNHH Cấp nước Điện Biên trực tiếp quản lý và điều hành với giá trị là 14.707.852.727 VND; và do đánh giá lại thiết bị quản lý là 13.280.000 VND.

- Các thay đổi khác về thời gian tính khấu hao: trong năm đơn vị đã thay đổi thời gian sử dụng của một số tài sản cố định theo "Biên bản xác định giá tiêu thụ nước sạch năm 2014" ngày 09 tháng 01 năm 2014. Biên bản xác định giá nước này đã được Sở tài chính, Sở xây dựng tỉnh Điện Biên cùng phê duyệt thống nhất cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị. Việc thay đổi này làm chi phí khấu hao trong năm của đơn vị giảm đi ước tính 30% so với giá trị ban đầu.

- VND
864.020.000 VND

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

V.8 Tài sản cố định vô hình

Là giá trị Quyền sử dụng đất tại 02 trạm cấp nước (trạm cấp nước Thành phố và Trạm cấp nước bản Phủ) được ghi nhận theo Kết quả định giá lại tài sản và vốn tại ngày 01/07/2011 của Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên phê duyệt tại quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2012. Trong năm 2013 giá trị Quyền sử dụng đất này được ghi nhận giảm tương ứng với nguồn vốn giảm do đơn vị chọn phương án thuê đất theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30 tháng 11 năm 2014.

V.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công trình Mường Ảng	181.818.182	181.818.182
Công trình lắng lọc sơ bộ đầu nguồn Nậm Khẩu Hu	834.572.940	4.223.636
Công trình trạm cấp nước Bản Phủ	441.326.363	9.794.545
Công trình 5000m3	-	71.198.000
Công trình lắp đặt hệ thống sản xuất Javen	3.272.727	-
Xây dựng nhà kho Công ty	561.926.364	-
Công trình XD Nhà điều hành, nhà hóa chất	16.815.455	-
Công trình cải tạo hồ chứa nước Bản Bó, mường báng Tủa	338.326.363	-
Cộng	<u>2.378.058.394</u>	<u>267.034.363</u>

V.10 Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	355.768.684	542.280.732
Chi phí trả trước dài hạn khác	384.183.173	-
Cộng	<u>739.951.857</u>	<u>542.280.732</u>

V.11 Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP DTO Hà Nội	-	300.000.000
Công ty Hawaco	-	140.250.000
Đối tượng khác	-	17.175.000
Công ty CP Xây dựng Nam Giang	276.000.000	-
Công ty CP CPP Việt Nam	60.000.000	-
Bà Đàm Anh Tươi	536.448.000	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Thanh Thế	2.010.000	-
Công ty TNHH 3-2	88.360.820	-
Công ty TNHH Thành Phúc tỉnh Điện Biên	359.922.000	-
Bà Nguyễn Thị Hải	29.000.000	-
Cộng	<u>1.351.740.820</u>	<u>457.425.000</u>

V.12 Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
UBND Tỉnh Điện Biên	-	895.155.203
Cộng	<u>-</u>	<u>895.155.203</u>

V.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	194.157.207	121.122.970
Thuế tài nguyên	6.812.965	80.308.210
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	126.000
Các loại thuế khác	71.553.890	52.093.549
Cộng	<u>272.524.062</u>	<u>253.650.729</u>

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

V.14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	2.206.850	-
Bảo hiểm xã hội	-	29.436.898
Phải trả về cổ phần hóa	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	687.902.488	1.517.121.856
Cộng	690.109.338	1.546.558.754

(*) Các đối tượng chính bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền bán vật tư nhận giữ hộ	18.026.234	308.316.139
Trích trước chi phí Công trình di chuyển tuyến ống D400 Km75+590-K75+920	-	909.408.973
Trích trước chi phí DVMTR quý 4/2013	33.461.200	32.136.800
Ông Nguyễn Quốc Tuấn tiền thi công lắp đặt	-	145.324.194
Ông Ngô Đào Thành	-	65.607.878
Doanh nghiệp tư nhân số 6	20.000.000	20.000.000
Đặt cọc đại lý nước	-	2.000.000
Ông Nguyễn Hữu Doãn tiền thi công lắp đặt công trình	-	9.522.522
Khác	222.922	24.805.350
Phí nước thải Công nghiệp Q4/2014	16.192.132	-
Tiền thuê đất từ năm 2009 đến 2012	600.000.000	-
Cộng	687.902.488	1.517.121.856

V.15 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ phúc lợi	382.493.543	54.700.227
Quỹ khen thưởng	628.076.626	403.289.712
Cộng	1.010.570.169	457.989.939

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

V.16 Vốn Chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*)	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu (*)	Quỹ dự phòng tài chính (*)	LN chưa phân phối (**)	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	78.367.818.185	40.432.868.153	18.645.770	98.959.921	404.079.201	119.322.371.230
Tăng trong năm trước	181.276.438.102	-	16.428.139	65.712.556	351.865.627	181.710.444.424
Tăng khác trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác trong năm trước	-	-	-	-	394.275.336	394.275.336
Số dư cuối năm trước	259.644.256.287	40.432.868.153	35.073.909	164.672.477	361.669.492	300.638.540.318
Tăng trong năm nay	56.513.600.929	-	-	-	625.247.594	57.138.848.523
Tăng khác trong năm nay	-	-	-	-	1.527.412.283	1.527.412.283
Tăng do phân phối lại lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	125.354.450	125.354.450
Giảm trong năm nay	19.616.944.359	40.432.868.153	35.073.909	164.672.477	-	60.249.558.898
Giảm khác trong năm nay	-	-	-	-	1.333.591.941	1.333.591.941
Giảm do phân phối lại lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	1.106.091.878	1.106.091.878
Số dư cuối năm nay	296.540.912.857	-	-	-	-	296.540.912.857

Đơn vị tính: VND

(*) Đơn vị đang ghi nhận theo Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2012 của UBND tỉnh Điện Biên về phê duyệt kết quả kiểm kê đánh giá lại tài sản và vốn tại thời điểm 0h ngày 01/07/2011, theo đó Công ty ghi nhận tăng giá trị tài sản và vốn của Công ty tăng lên 40.432.868.155 trong năm tài chính 2012. Trong năm 2014, toàn bộ phần chênh lệch này cũng như các Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khác thuộc vốn CSH đã được ghi nhận vào nguồn vốn kinh doanh của đơn vị theo phương án cổ phần hóa Công ty của UBND tỉnh.

() Chi tiết tăng giảm khác Lợi nhuận chưa phân phối**

(1) Chi tiết giảm khác trong năm

- Giảm LN sau thuế do ghi nhận chi phí giá vốn CT D400Km 75 -QL279 theo Biên bản Kiểm tra của Sở tài chính ngày 15/10/2014 **1.533.591.941**

- Giảm LN sau thuế khoản truy thu thuế TNDN theo Biên bản Kiểm tra của Sở tài chính ngày 15/10/2014 **1.461.733.555**

- Giảm LN sau thuế khoản truy thu thuế TNDN theo Biên bản Kiểm tra của Sở tài chính ngày 15/10/2014 **71.858.386**

(2) Chi tiết tăng khác trong năm

- Tăng LN sau thuế do ghi nhận doanh thu CT D400Km 75 -QL279 theo Biên bản Kiểm tra của Sở tài chính ngày 15/10/2014 **1.527.412.283**

(3) Ảnh hưởng tăng giảm khác đến kết quả kinh doanh ([3])=[2]-[1] **(6.179.658)**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÁP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn điều lệ theo ĐKKD	Vốn thực góp đến 31/12/2013	Tỷ lệ	Vốn thực góp đến 31/12/2013	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	56.084.094.827	259.644.256.287	100,00%	296.540.912.857	100,00%
Vốn góp của các đối tượng khác	-	-	0,00%	-	0,00%
- Do pháp nhân năm giữ	-	-	0,00%	-	0,00%
- Do thể nhân năm giữ	-	-	0,00%	-	0,00%
Cộng		259.644.256.287	100,00%	296.540.912.857	100,00%

c) Phân phối lợi nhuận trong năm

Lợi nhuận thực hiện trong năm

Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm

Điều chỉnh tăng lợi nhuận trong năm

Điều chỉnh giảm lợi nhuận trong năm

Lợi nhuận đã phân phối trong năm (*)

Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng

Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ khen thưởng

Quỹ phúc lợi

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu - Thường ban điều hành

Lợi nhuận còn lại chưa phân phối đến cuối năm

	Năm nay	Năm trước
	625.247.594	351.865.627
	361.669.492	404.079.201
	-	-
	361.669.492	-
	625.247.594	394.275.336
	-	-
	-	-
	-	65.712.556
	-	-
	187.574.278	234.100.981
	437.673.316	78.033.660
	-	16.428.139
	-	361.669.492

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

VI Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh**VI.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu nước sinh hoạt	29.456.897.700	22.212.551.429
Doanh thu nước lọc	45.462.424	63.636.364
Doanh thu bán vật tư nước	3.632.279.798	62.485.515
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.055.181.617	741.560.461
Doanh thu khác	-	-
Cộng	34.189.821.539	23.080.233.769

VI.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn nước sinh hoạt	21.678.472.114	18.140.072.403
Giá vốn nước lọc	5.098.534	62.594.313
Giá vốn vật tư nước	3.582.252.006	30.641.467
Giá vốn của các hợp đồng Xây dựng	956.735.463	730.937.962
Cộng	26.222.558.117	18.964.246.145

VI.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi tiền cho vay	33.789.320	51.957.022
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	33.789.320	51.957.022

VI.4 Lợi nhuận khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	50.305.854	332.553.825
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	295.423.191
Thanh lý TSCĐ	-	2.631.778
Thu nhập từ việc hủy hợp đồng	-	-
Phí BVMT nước thải	50.305.854	34.498.856
Thu nhập khác	-	-
Chi phí khác	-	-
Chi phí nhượng bán BĐS	-	-
Thanh lý TSCĐ	-	-
Lợi nhuận khác	50.305.854	332.553.825

VI.5 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chỉ tiêu		Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán	[1]	801.599.480	469.154.170
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế TNDN	[2]	-	-
Bù trừ lỗ từ các năm trước	[3]	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	[4]=[1]+[2]-[3]	801.599.480	469.154.170
Thuế suất thuế TNDN	[5]	22,00%	25,00%
Thuế TNDN	[6]=[4]*[5]	176.351.886	117.288.543
Thuế TNDN được miễn, giảm	[7]	-	-
Thuế TNDN hiện hành	[8]=[6]-[7]	176.351.886	117.288.543

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

Báo cáo tài chính*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014***VI.9 Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu	7.115.393.114	1.362.074.548
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	13.868.458.279	9.754.933.628
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.292.302.876	7.773.538.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.120.766.041	416.379.078
Chi phí khác bằng tiền	2.075.396.923	2.504.428.141
Cộng	<u><u>33.472.317.233</u></u>	<u><u>21.811.354.284</u></u>

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐIỆN BIÊN

Tổ dân phố 1 - Phường Him Lam - Thành Phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

VII. Những thông tin khác

VII.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo Tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo Tài chính.

VII.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được trình bày trên Báo cáo Tài chính là các số liệu trên Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Số liệu này đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán KSI Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

Điện Biên, ngày 05 tháng 02 năm 2015

Kế toán trưởng



Đinh Quốc Lộc

Giám đốc



Nguyễn Lệ Quế